

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/LĐ-ST
Ngày: 31-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng gia
công hàng hoá về việc yêu
cầu quyền, lợi ích liên quan
đến tiền lương

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Tuấn Lam.
- Bà Ngô Thị Lệ Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 20/2024/TLST-LĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng gia công hàng hoá về việc yêu cầu quyền, lợi ích liên quan đến tiền lương theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXX-ST ngày 14 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 08 tháng 6 năm 1988; Nơi cư trú: Ấp PH1, xã LC, thị xã TC, tỉnh An Giang.

1.2. Bà Trần Thị P, sinh ngày 07 tháng 3 năm 1993; Nơi cư trú: Ấp LT2, xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang.

1.3. Bà Đào Lê Bảo C1, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2006; Nơi cư trú: Khóm LH1, phường LS, thị xã TC, tỉnh An Giang.

1.4. Ông Nguyễn Văn C2, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1985; Nơi cư trú: Khóm T1, thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

1.5. Bà Lê Thị L1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1982; Nơi cư trú: Khóm LH1, phường LS, thị xã TC, tỉnh An Giang.

1.6. Bà Nguyễn Thị Q, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1988; Nơi cư trú: Ấp THB, xã TA, thị xã TC, tỉnh An Giang.

1.7. Bà Nguyễn Thị Hồng B, sinh ngày 03 tháng 10 năm 1989; Nơi thường trú: Ấp TB, xã LB, huyện AP, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: Khóm TĐ, phường AL, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

1.8. Bà Bằng Thị D1, sinh ngày 07 tháng 6 năm 1983; Nơi thường trú: Khóm TS, thị trấn OE, huyện TS, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

1.9. Bà Phạm Thị Diệu Đ1, sinh ngày 29 tháng 11 năm 1992; Nơi cư trú: Ấp A, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

1.10. Ông Nguyễn Minh Đ2, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2005; Nơi cư trú: Ấp AT, xã AP, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp.

1.11. Bà Nguyễn Thị Chúc Đ3, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2001; Nơi thường trú: Ấp B, xã THT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

1.12. Bà Giáp Thị Trúc H1, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1990; Nơi cư trú: Khóm C, thị trấn SR, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp.

1.13. Bà Phạm Thị Diệu H2, sinh ngày 17 tháng 6 năm 1987; Nơi cư trú: Ấp A, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

1.14. Bà Trần Thị Phương D2, sinh ngày 13 tháng 5 năm 1983; Nơi cư trú: Ấp 3 A, xã TP2, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

1.15. Nguyễn Phạm Đăng K, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2007; Nơi cư trú: Khóm LTC, phường LH, thị xã TC, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Nguyễn Phạm Đăng K là ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1951; Nơi cư trú: Khóm LTC, phường LH, thị xã TC, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Trần Thị P, bà Đào Lê Bảo C1, ông Nguyễn Văn C2, bà Lê Thị L1, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị Hồng B, bà Bằng Thị D1, bà Phạm Thị Diệu Đ1, ông Nguyễn Minh Đ2, bà Nguyễn Thị Chúc Đ3, bà Giáp Thị Trúc H1, bà Phạm Thị Diệu H2, Nguyễn Phạm Đăng K, bà Trần Thị Phương D2 là ông Nguyễn Hữu T2, Chức vụ: Chủ tịch Liên đoàn lao động huyện HN, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy ủy quyền tham gia tố tụng ngày 14 tháng 02 năm 2025. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Trần Thị P, bà Đào Lê Bảo C1, ông Nguyễn Văn C2, bà Lê Thị L1, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị Hồng B, bà Bằng Thị D1, bà Phạm Thị Diệu Đ1, ông Nguyễn Minh Đ2, bà Nguyễn Thị Chúc Đ3, bà Giáp Thị Trúc H1, bà Phạm Thị Diệu H2, Nguyễn Phạm Đăng K, bà Trần Thị Phương D2 là ông Chung Văn S, Chức vụ: Phó Chủ tịch Liên đoàn lao động huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

1.16. Phan Thị Bích Tr, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2009; Nơi cư trú: Ấp A, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Có đơn xin vắng mặt

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Phan Thị Bích Tr là ông Phan Văn D3, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Ấp Ấp A, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Phan Thị Bích Tr là ông Lý Ngọc B1 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp - Chi nhánh số 2; Địa chỉ: D LHP, phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

1.17. Bà RMAH H3, sinh ngày 08 tháng 10 năm 1998; Nơi cư trú: Khóm LT1, phường LS, thị xã TC, tỉnh An Giang. Vắng mặt lần thứ hai

1.18. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy, sinh ngày 18 tháng 11 năm 1976; Nơi cư trú: Ấp VT1, xã LC, thị xã TC, tỉnh An Giang. Vắng mặt lần thứ hai

1.19. Bà Trình Thị Mỹ L3, sinh ngày 29 tháng 6 năm 1997; Nơi thường trú: Ấp MP, xã TPH, huyện PH, tỉnh Hậu Giang; Chỗ ở hiện nay: Khóm T1, thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt lần thứ hai

1.20. Bà Nguyễn Thị Phương Th2, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2002; Nơi cư trú: Khóm LTB, phường LT, thị xã TC, tỉnh An Giang. Vắng mặt lần thứ hai

2. Bị đơn:

2.1. Bà Tô Thị Út Nh, sinh ngày 16 tháng 02 năm 1986; Vắng mặt lần thứ hai

2.2. Ông Nguyễn Văn B2, sinh ngày 29 tháng 5 năm 1986; Có mặt

Cùng nơi cư trú: Ấp PL, xã AL, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Trần Thị P, bà Đào Lê Bảo C1, ông Nguyễn Văn C2, bà Lê Thị L1, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị Hồng B, bà Bằng Thị D1, bà Phạm Thị Diệu Đ1, ông Nguyễn Minh Đ2, bà Nguyễn Thị Chúc Đ3, bà Giáp Thị Trúc H1, bà Phạm Thị Diệu H2, Nguyễn Phạm Đăng K, bà Trần Thị Phương D2 và phần trình bày của người đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Hữu T2 tại phiên toà:

- Bà Nguyễn Thị Thanh T1 có làm công việc may gia công tại Xưởng may SP do bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 làm chủ xưởng. Bà T1 bắt đầu làm việc từ ngày 11 tháng 6 năm 2024 theo chế độ làm ăn theo sản phẩm với quy định chung là hỗ trợ công nhân 300.000 đồng/tháng tiền bảo hiểm xã hội, 500.000 đồng/tháng tiền chuyên cần, 15.000 đồng/ngày tiền ăn, tiền xăng 150.000 đồng/tháng, trả lương vào ngày 15 tây hàng tháng. Nhưng từ ngày may gia công cho đến nay thì tất cả công nhân trong xưởng không nhận được tiền lương cũng như các khoản hỗ trợ theo thoả thuận. Đến ngày 13, 14 tháng 7 năm 2024 thì anh chị em công nhân thấy người thân của chủ xưởng may đến chở máy may trong xưởng đi nơi khác. Nên ngày 15 tháng 7 năm 2024, các công nhân liên hệ với bà Út Nh và ông B2 nhưng không liên lạc được. Nay bà T1 yêu cầu bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ là 3.600.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 15 tháng 7 năm 2024 cho đến khi Tòa án giải quyết xong với mức lãi suất 10%/năm.

- Bà Trần Thị P có làm công việc may gia công tại Xưởng may SP do bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 làm chủ xưởng. Bà P bắt đầu làm việc từ ngày 10 tháng 5 năm 2024 theo chế độ làm ăn theo sản phẩm với quy định chung là hỗ trợ công nhân 300.000 đồng/tháng tiền bảo hiểm xã hội, 500.000 đồng/tháng tiền chuyên cần, 15.000 đồng/ngày tiền ăn, tiền xăng 150.000 đồng/tháng, trả lương vào ngày 15 tây hàng tháng. Nhưng từ ngày 01 tháng 6 năm 2024 cho đến nay thì tất cả công nhân trong xưởng không nhận được tiền lương cũng như các khoản hỗ trợ theo thoả thuận. Đến ngày 13, 14 tháng 7 năm 2024 thì anh chị em công nhân thấy người thân của chủ xưởng may đến chở máy may trong xưởng đi nơi khác. Nên ngày 15 tháng 7 năm 2024, các công nhân liên hệ với bà Út Nh và ông B2 nhưng không liên lạc được. Nay bà P yêu cầu bà Tô Thị Út Nh và ông

Nguyễn Văn B2 thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ là 8.345.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 15 tháng 7 năm 2024 cho đến khi Tòa án giải quyết xong với mức lãi suất 10%/năm.

- Bà Đào Lê Bảo C1 có làm công việc may gia công tại Xưởng may SP do bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 làm chủ xưởng. Bà C1 bắt đầu làm việc từ ngày 22 tháng 4 năm 2024 theo chế độ làm ăn theo sản phẩm với quy định chung là hỗ trợ công nhân 300.000 đồng/tháng tiền bảo hiểm xã hội, 500.000 đồng/tháng tiền chuyên cần, 15.000 đồng/ngày tiền ăn, tiền xăng 150.000 đồng/tháng, trả lương vào ngày 15 tây hàng tháng. Nhưng từ ngày may gia công 22 tháng 4 năm 2024 cho đến nay thì tất cả công nhân trong xưởng không nhận được tiền lương cũng như các khoản hỗ trợ theo thỏa thuận. Đến ngày 13, 14 tháng 7 năm 2024 thì anh chị em công nhân thấy người thân của chủ xưởng may đến chở máy may trong xưởng đi nơi khác. Nên ngày 15 tháng 7 năm 2024, các công nhân liên hệ với bà Út Nh và ông B2 nhưng không liên lạc được. Nay bà C1 yêu cầu bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ là 7.100.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 15 tháng 7 năm 2024 cho đến khi Tòa án giải quyết xong với mức lãi suất 10%/năm.

- Ông Nguyễn Văn C2 có làm công việc may gia công tại Xưởng may SP do bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 làm chủ xưởng. Ông C2 bắt đầu làm việc từ ngày 14 tháng 4 năm 2024 theo chế độ làm ăn theo sản phẩm với quy định chung là hỗ trợ công nhân 300.000 đồng/tháng tiền bảo hiểm xã hội, 500.000 đồng/tháng tiền chuyên cần, 15.000 đồng/ngày tiền ăn, tiền xăng 150.000 đồng/tháng, trả lương vào ngày 15 tây hàng tháng. Nhưng từ ngày 01 tháng 6 năm 2024 cho đến nay thì tất cả công nhân trong xưởng không nhận được tiền lương cũng như các khoản hỗ trợ theo thỏa thuận. Đến ngày 13, 14 tháng 7 năm 2024 thì anh chị em công nhân thấy người thân của chủ xưởng may đến chở máy may trong xưởng đi nơi khác. Nên ngày 15 tháng 7 năm 2024, các công nhân liên hệ với bà Út Nh và ông B2 nhưng không liên lạc được. yêu cầu bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ là 7.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 15 tháng 7 năm 2024 cho đến khi Tòa án giải quyết xong với mức lãi suất 10%/năm.

- Bà Lê Thị L1 có làm công việc may gia công tại Xưởng may SP do bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 làm chủ xưởng. Bà L1 bắt đầu làm việc từ ngày 08 tháng 4 năm 2024 theo chế độ làm ăn theo sản phẩm với quy định chung là hỗ trợ công nhân 300.000 đồng/tháng tiền bảo hiểm xã hội, 500.000 đồng/tháng tiền chuyên cần, 15.000 đồng/ngày tiền ăn, tiền xăng 150.000 đồng/tháng, trả lương

vào ngày 15 tây hàng tháng. Nhưng từ ngày 01 tháng 6 năm 2024 cho đến nay thì tất cả công nhân trong xưởng không nhận được tiền lương cũng như các khoản hỗ trợ theo thoả thuận. Đến ngày 13, 14 tháng 7 năm 2024 thì anh chị em công nhân thấy người thân của chủ xưởng may đến chở máy may trong xưởng đi nơi khác. Nên ngày 15 tháng 7 năm 2024, các công nhân liên hệ với bà Út Nh và ông B2 nhưng không liên lạc được. Nay bà L1 yêu cầu bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ là 3.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 15 tháng 7 năm 2024 cho đến khi Tòa án giải quyết xong với mức lãi suất 10%/năm.

- Bà Nguyễn Thị Q có làm công việc may gia công tại Xưởng may SP do bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 làm chủ xưởng. Bà Q bắt đầu làm việc từ ngày 17 tháng 6 năm 2024 theo chế độ làm ăn theo sản phẩm với quy định chung là hỗ trợ công nhân 300.000 đồng/tháng tiền bảo hiểm xã hội, 500.000 đồng/tháng tiền chuyên cần, 15.000 đồng/ngày tiền ăn, tiền xăng 150.000 đồng/tháng, trả lương vào ngày 15 tây hàng tháng. Nhưng từ ngày may gia công 17 tháng 6 năm 2024 cho đến nay thì tất cả công nhân trong xưởng không nhận được tiền lương cũng như các khoản hỗ trợ theo thoả thuận. Đến ngày 13, 14 tháng 7 năm 2024 thì anh chị em công nhân thấy người thân của chủ xưởng may đến chở máy may trong xưởng đi nơi khác. Nên ngày 15 tháng 7 năm 2024, các công nhân liên hệ với bà Út Nh và ông B2 nhưng không liên lạc được. Nay bà Q yêu cầu bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ là 3.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 15 tháng 7 năm 2024 cho đến khi Tòa án giải quyết xong với mức lãi suất 10%/năm.

- Bà Nguyễn Thị Hồng B có làm công việc may gia công tại Xưởng may SP do bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 làm chủ xưởng. Bà B bắt đầu làm việc từ ngày 15 tháng 3 năm 2024 theo chế độ làm ăn theo sản phẩm với quy định chung là hỗ trợ công nhân 300.000 đồng/tháng tiền bảo hiểm xã hội, 500.000 đồng/tháng tiền chuyên cần, 15.000 đồng/ngày tiền ăn, tiền xăng 150.000 đồng/tháng, trả lương vào ngày 15 tây hàng tháng. Nhưng từ ngày 01 tháng 6 năm 2024 cho đến nay thì tất cả công nhân trong xưởng không nhận được tiền lương cũng như các khoản hỗ trợ theo thoả thuận. Đến ngày 13, 14 tháng 7 năm 2024 thì anh chị em công nhân thấy người thân của chủ xưởng may đến chở máy may trong xưởng đi nơi khác. Nên ngày 15 tháng 7 năm 2024, các công nhân liên hệ với bà Út Nh và ông B2 nhưng không liên lạc được. Nay bà B yêu cầu bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ là 3.680.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 15 tháng 7 năm 2024 cho đến khi Tòa án giải

quyết xong với mức lãi suất 10%/năm.

- Bà Bằng Thị D1 có làm công việc may gia công tại Xưởng may SP do bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 làm chủ xưởng. Bà D1 bắt đầu làm việc từ tháng 4 năm 2024 theo chế độ làm ăn theo sản phẩm với quy định chung là hỗ trợ công nhân 300.000 đồng/tháng tiền bảo hiểm xã hội, 500.000 đồng/tháng tiền chuyên cần, 15.000 đồng/ngày tiền ăn, tiền xăng 150.000 đồng/tháng, trả lương vào ngày 15 tây hàng tháng. Nhưng từ ngày may gia công cho đến nay thì tất cả công nhân trong xưởng không nhận được tiền lương cũng như các khoản hỗ trợ theo thỏa thuận. Đến ngày 13, 14 tháng 7 năm 2024 thì anh chị em công nhân thấy người thân của chủ xưởng may đến chở máy may trong xưởng đi nơi khác. Nên ngày 15 tháng 7 năm 2024, các công nhân liên hệ với bà Út Nh và ông B2 nhưng không liên lạc được. yêu cầu bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ là 2.356.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 15 tháng 7 năm 2024 cho đến khi Tòa án giải quyết xong với mức lãi suất 10%/năm.

- Bà Phạm Thị Diệu Đ1 có làm công việc may gia công tại Xưởng may SP do bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 làm chủ xưởng. Bà Đ1 bắt đầu làm việc từ ngày 28 tháng 5 năm 2024 theo chế độ làm ăn theo sản phẩm với quy định chung là hỗ trợ công nhân 300.000 đồng/tháng tiền bảo hiểm xã hội, 500.000 đồng/tháng tiền chuyên cần, 15.000 đồng/ngày tiền ăn, tiền xăng 150.000 đồng/tháng, trả lương vào ngày 15 tây hàng tháng. Nhưng từ ngày 01 tháng 6 năm 2024 cho đến nay thì tất cả công nhân trong xưởng không nhận được tiền lương cũng như các khoản hỗ trợ theo thỏa thuận. Đến ngày 13, 14 tháng 7 năm 2024 thì anh chị em công nhân thấy người thân của chủ xưởng may đến chở máy may trong xưởng đi nơi khác. Nên ngày 15 tháng 7 năm 2024, các công nhân liên hệ với bà Út Nh và ông B2 nhưng không liên lạc được. Nay bà Đ1 yêu cầu bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ là 4.200.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 15 tháng 7 năm 2024 cho đến khi Tòa án giải quyết xong với mức lãi suất 10%/năm.

- Ông Nguyễn Minh Đ2 có làm công việc may gia công tại Xưởng may SP do bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 làm chủ xưởng. Ông Đ2 bắt đầu làm việc từ tháng 5 năm 2024 theo chế độ làm ăn theo sản phẩm với quy định chung là hỗ trợ công nhân 300.000 đồng/tháng tiền bảo hiểm xã hội, 500.000 đồng/tháng tiền chuyên cần, 15.000 đồng/ngày tiền ăn, tiền xăng 150.000 đồng/tháng, trả lương vào ngày 15 tây hàng tháng. Nhưng từ ngày may gia công cho đến nay thì tất cả công nhân trong xưởng không nhận được tiền lương cũng như các khoản hỗ trợ theo thỏa thuận. Đến ngày 13, 14 tháng 7 năm 2024 thì anh chị em công nhân

thấy người thân của chủ xưởng may đến chở máy may trong xưởng đi nơi khác. Nên ngày 15 tháng 7 năm 2024, các công nhân liên hệ với bà Út Nh và ông B2 nhưng không liên lạc được. Nay ông Đ2 yêu cầu bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ là 4.100.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 15 tháng 7 năm 2024 cho đến khi Tòa án giải quyết xong với mức lãi suất 10%/năm.

- Bà Nguyễn Thị Chúc Đ3 có làm công việc may gia công tại Xưởng may SP do bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 làm chủ xưởng. Bà Đ3 bắt đầu làm việc từ ngày 26 tháng 4 năm 2024 theo chế độ làm ăn theo sản phẩm với quy định chung là hỗ trợ công nhân 300.000 đồng/tháng tiền bảo hiểm xã hội, 500.000 đồng/tháng tiền chuyên cần, 15.000 đồng/ngày tiền ăn, tiền xăng 150.000 đồng/tháng, trả lương vào ngày 15 tây hàng tháng. Nhưng từ ngày 01 tháng 6 năm 2024 cho đến nay thì tất cả công nhân trong xưởng không nhận được tiền lương cũng như các khoản hỗ trợ theo thoả thuận. Đến ngày 13, 14 tháng 7 năm 2024 thì anh chị em công nhân thấy người thân của chủ xưởng may đến chở máy may trong xưởng đi nơi khác. Nên ngày 15 tháng 7 năm 2024, các công nhân liên hệ với bà Út Nh và ông B2 nhưng không liên lạc được. yêu cầu bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ là 6.350.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 15 tháng 7 năm 2024 cho đến khi Tòa án giải quyết xong với mức lãi suất 10%/năm.

- Bà Giáp Thị Trúc H1 có làm công việc may gia công tại Xưởng may SP do bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 làm chủ xưởng. Bà H1 bắt đầu làm việc từ ngày 27 tháng 6 năm 2024 theo chế độ làm ăn theo sản phẩm, trả lương vào ngày 15 hàng tháng. Nhưng từ ngày may gia công cho đến nay thì tất cả công nhân trong xưởng không nhận được tiền lương cũng như các khoản hỗ trợ theo thoả thuận. Đến ngày 13, 14 tháng 7 năm 2024 thì anh chị em công nhân thấy người thân của chủ xưởng may đến chở máy may trong xưởng đi nơi khác. Nên ngày 15 tháng 7 năm 2024, các công nhân liên hệ với bà Út Nh và ông B2 nhưng không liên lạc được. Nay bà H1 yêu cầu bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ là 700.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 15 tháng 7 năm 2024 cho đến khi Tòa án giải quyết xong với mức lãi suất 10%/năm.

- Bà Phạm Thị Diệu H2 có làm công việc may gia công tại Xưởng may SP do bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 làm chủ xưởng. Bà H2 bắt đầu làm việc từ ngày 28 tháng 5 năm 2024 theo chế độ làm ăn theo sản phẩm với quy định chung là hỗ trợ công nhân 300.000 đồng/tháng tiền bảo hiểm xã hội, 500.000

đồng/tháng tiền chuyên cần, 15.000 đồng/ngày tiền ăn, tiền xăng 150.000 đồng/tháng, trả lương vào ngày 15 tây hàng tháng. Nhưng từ ngày 04 tháng 6 năm 2024 cho đến nay thì tất cả công nhân trong xưởng không nhận được tiền lương cũng như các khoản hỗ trợ theo thoả thuận. Đến ngày 13, 14 tháng 7 năm 2024 thì anh chị em công nhân thấy người thân của chủ xưởng may đến chở máy may trong xưởng đi nơi khác. Nên ngày 15 tháng 7 năm 2024, các công nhân liên hệ với bà Út Nh và ông B2 nhưng không liên lạc được. Nay bà H2 yêu cầu bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ là 3.900.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 15 tháng 7 năm 2024 cho đến khi Tòa án giải quyết xong với mức lãi suất 10%/năm.

- Bà Trần Thị Phương D2 có làm công việc may gia công tại Xưởng may SP do bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 làm chủ xưởng. Bà D2 bắt đầu làm việc từ ngày 04 tháng 6 năm 2024 theo chế độ làm ăn theo sản phẩm với quy định chung là hỗ trợ công nhân 300.000 đồng/tháng tiền bảo hiểm xã hội, 500.000 đồng/tháng tiền chuyên cần, 15.000 đồng/ngày tiền ăn, tiền xăng 150.000 đồng/tháng, trả lương vào ngày 15 tây hàng tháng. Nhưng từ ngày may gia công cho đến nay thì tất cả công nhân trong xưởng không nhận được tiền lương cũng như các khoản hỗ trợ theo thoả thuận. Đến ngày 13, 14 tháng 7 năm 2024 thì anh chị em công nhân thấy người thân của chủ xưởng may đến chở máy may trong xưởng đi nơi khác. Nên ngày 15 tháng 7 năm 2024, các công nhân liên hệ với bà Út Nh và ông B2 nhưng không liên lạc được. có làm công việc may gia công tại Xưởng may SP do bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 làm chủ xưởng. Nay bà D2 yêu cầu bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ là 4.875.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 15 tháng 7 năm 2024 cho đến khi Tòa án giải quyết xong với mức lãi suất 10%/năm.

- Nguyễn Phạm Đăng K có làm công việc may gia công tại Xưởng may SP do bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 làm chủ xưởng. Đăng K bắt đầu làm việc từ ngày 15 tháng 3 năm 2024 theo chế độ làm ăn theo sản phẩm với quy định chung là hỗ trợ công nhân 300.000 đồng/tháng tiền bảo hiểm xã hội, 500.000 đồng/tháng tiền chuyên cần, 15.000 đồng/ngày tiền ăn, tiền xăng 150.000 đồng/tháng, trả lương vào ngày 15 tây hàng tháng. Nhưng từ ngày 01 tháng 6 năm 2024 cho đến nay thì tất cả công nhân trong xưởng không nhận được tiền lương cũng như các khoản hỗ trợ theo thoả thuận. Đến ngày 13, 14 tháng 7 năm 2024 thì anh chị em công nhân thấy người thân của chủ xưởng may đến chở máy may trong xưởng đi nơi khác. Nên ngày 15 tháng 7 năm 2024, các công nhân liên hệ với bà Út Nh và ông B2 nhưng không liên lạc được. Nay Đăng K yêu cầu bà Tô

Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ là 4.900.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 15 tháng 7 năm 2024 cho đến khi Tòa án giải quyết xong với mức lãi suất 10%/năm.

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Bích Tr trình bày: Bích Tr có làm công việc may gia công tại Xưởng may SP do bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 làm chủ xưởng. Bích Tr bắt đầu làm việc từ ngày 15 tháng 4 năm 2024 theo chế độ làm ăn theo sản phẩm với quy định chung là hỗ trợ công nhân 300.000 đồng/tháng tiền bảo hiểm xã hội, 500.000 đồng/tháng tiền chuyên cần, 15.000 đồng/ngày tiền ăn, tiền xăng 150.000 đồng/tháng, trả lương vào ngày 15 tây hàng tháng. Nhưng từ ngày may gia công 15 tháng 4 năm 2024 cho đến nay thì tất cả công nhân trong xưởng không nhận được tiền lương cũng như các khoản hỗ trợ theo thỏa thuận. Đến ngày 13, 14 tháng 7 năm 2024 thì anh chị em công nhân thấy người thân của chủ xưởng may đến chở máy may trong xưởng đi nơi khác. Nên ngày 15 tháng 7 năm 2024, các công nhân liên hệ với bà Út Nh và ông B2 nhưng không liên lạc được. yêu cầu bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ là 2.300.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 15 tháng 7 năm 2024 cho đến khi Tòa án giải quyết xong với mức lãi suất 10%/năm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B2 trình bày: Thừa nhận cùng vợ là bà Tô Thị Út Nh mở xưởng may và thuê người lao động để gia công quần áo may mặc như phần trình bày của người đại diện theo uỷ quyền. Việc chưa thanh toán đầy đủ lương và các khoản hỗ trợ cho người lao động là do việc gia công quần áo bị lỗi, bị công ty may trả lại, nên không đảm bảo kinh phí để chi trả cho người lao động. Nay những người lao động yêu cầu thanh toán các khoản tiền lương, tiền hỗ trợ thì ông thống nhất, tuy nhiên đề nghị xem xét cho ông trả dần dần vì hiện nay điều kiện kinh tế của ông không đảm bảo vì còn phải nuôi con nhỏ.

Đối với bị đơn bà Tô Thị Út Nh, Tòa án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Trần Thị P, bà Đào Lê Bảo C1, ông Nguyễn Văn C2, bà Lê Thị L1, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị Hồng B, bà Bằng Thị D1, bà Phạm Thị Diệu Đ1, ông Nguyễn Minh Đ2, bà Nguyễn Thị Chúc Đ3, bà Giáp Thị Trúc H1, bà Phạm Thị Diệu H2, Nguyễn Phạm Đăng K, bà Trần Thị Phương D2 là ông Chung Văn S đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, buộc bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 liên đới thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ và yêu cầu tính lãi theo quy định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Phan Thị Bích Tr là ông Lý Ngọc B1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Bích Tr, buộc bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 liên đới thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ là 2.300.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Trần Thị P, bà Đào Lê Bảo C1, ông Nguyễn Văn C2, bà Lê Thị L1, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị Hồng B, bà Bằng Thị D1, bà Phạm Thị Diệu Đ1, ông Nguyễn Minh Đ2, bà Nguyễn Thị Chúc Đ3, bà Giáp Thị Trúc H1, bà Phạm Thị Diệu H2, Nguyễn Phạm Đăng K, bà Trần Thị Phương D2, buộc bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 liên đới thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ còn nợ tổng cộng là 69.906.000 đồng và tiền lãi theo quy định. Đề nghị đình chỉ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Nguyễn Thị Bích Thủy, Trình Thị Mỹ L3, RMAH H3, Nguyễn Thị Phương Th2.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:

[1.1] Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng gia công hàng hoá về việc yêu cầu quyền, lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại Điều 94 Bộ luật lao động, Điều 542 của Bộ luật Dân sự; khoản 5 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; các điểm đ, g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn bà Tô Thị Út Nh đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Tô Thị Út Nh.

[1.3] Đối với các nguyên đơn Nguyễn Thị Bích Thủy, Trình Thị Mỹ L3, RMAH H3, Nguyễn Thị Phương Th2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải

quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Nguyễn Thị Bích Thủy, Trình Thị Mỹ L3, RMAH H3, Nguyễn Thị Phương Th2.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Trần Thị P, bà Đào Lê Bảo C1, ông Nguyễn Văn C2, bà Lê Thị L1, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị Hồng B, bà Bằng Thị D1, bà Phạm Thị Diệu Đ1, ông Nguyễn Minh Đ2, bà Nguyễn Thị Chúc Đ3, bà Giáp Thị Trúc H1, bà Phạm Thị Diệu H2, Nguyễn Phạm Đăng K, bà Trần Thị Phương D2, Hội đồng xét xử nhận thấy, tuy giữa các nguyên đơn và ông Nguyễn Văn B2, bà Tô Thị Út Nh không thực hiện ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản, nhưng việc các nguyên đơn thực hiện công việc gia công quần áo may mặc cho bị đơn có có, việc này được thể hiện qua việc thừa nhận của ông Nguyễn Văn B2 là ông cùng với vợ của ông là bà Tô Thị Út Nh mở xưởng may và thuê người lao động để gia công quần áo may mặc, đồng thời ông cũng thừa nhận là hiện nay vẫn còn nợ lương, các khoản hỗ trợ cho người lao động với số tiền theo biên bản hoà giải ngày 30 tháng 7 năm 2024, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, yêu cầu của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Trần Thị P, bà Đào Lê Bảo C1, ông Nguyễn Văn C2, bà Lê Thị L1, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị Hồng B, bà Bằng Thị D1, bà Phạm Thị Diệu Đ1, ông Nguyễn Minh Đ2, bà Nguyễn Thị Chúc Đ3, bà Giáp Thị Trúc H1, bà Phạm Thị Diệu H2, Nguyễn Phạm Đăng K, bà Trần Thị Phương D2 là có đủ căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của các nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn B2, bà Tô Thị Út Nh liên đới thanh toán tiền lương và các khoản hỗ trợ cho các nguyên đơn.

[2.2] Xét yêu cầu của của các nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn B2, bà Tô Thị Út Nh phải thanh toán tiền lãi suất chậm trả lương và các khoản hỗ trợ từ ngày 14 tháng 7 năm 2024 đến thời điểm xét xử theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào Điều 94 Bộ luật lao động quy định “*Người sử dụng lao động phải trả lương trực tiếp, đầy đủ, đúng hạn cho người lao động. Trường hợp người lao động không thể nhận lương trực tiếp thì người sử dụng lao động có thể trả lương cho người được người lao động ủy quyền hợp pháp*” và tại khoản 2, khoản 4 Điều 97 Bộ luật lao động cũng quy định “*2. Người lao động hưởng lương theo tháng được trả một tháng một lần hoặc nửa tháng một lần. Thời điểm trả lương do hai bên thỏa thuận và phải được ấn định vào một thời*

điểm có tính chu kỳ.....4. Trường hợp vì lý do bất khả kháng mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng không thể trả lương đúng hạn thì không được chậm quá 30 ngày; nếu trả lương chậm từ 15 ngày trở lên thì người sử dụng lao động phải đền bù cho người lao động một khoản tiền ít nhất bằng số tiền lãi của số tiền trả chậm tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do ngân hàng nơi người sử dụng lao động mở tài khoản trả lương cho người lao động công bố tại thời điểm trả lương”.

Căn cứ vào nội dung thoả thuận nêu trong biên bản hoà giải tranh chấp hợp đồng lao động ngày 30 tháng 7 năm 2024 thì ông Nguyễn Văn B2, bà Tô Thị Út Nh có nêu là ông B2 và bà Út Nh sẽ thanh toán cho những người lao động theo 03 lần, trong đó lần 01 vào ngày 15 tháng 8 năm 2024, lần 02 vào ngày 15 tháng 9 năm 2024 và lần 03 vào ngày 15 tháng 10 năm 2024. Như vậy, theo nội dung trên thì chậm nhất là ngày 15 tháng 8 năm 2024, ông B2 và bà Út Nh phải thanh toán lần 01, nhưng đến nay ông B2 và bà Út Nh không thực hiện. Theo quy định tại khoản 4 Điều 97 Bộ luật lao động thì “4. Trường hợp vì lý do bất khả kháng mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng không thể trả lương đúng hạn thì không được chậm quá 30 ngày” mới tính tiền lãi theo căn cứ “phải đền bù cho người lao động một khoản tiền ít nhất bằng số tiền lãi của số tiền trả chậm tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do ngân hàng nơi người sử dụng lao động mở tài khoản trả lương cho người lao động công bố tại thời điểm trả lương”. Ông B2 và bà Út Nh không “mở tài khoản trả lương cho người lao động”, không “vì lý do bất khả kháng mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng không thể trả lương đúng hạn”; vì vậy không thể xác định lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của Ngân hàng nào để áp dụng. Để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người lao động, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 280, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự “Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này” do vậy lấy căn cứ vào mức lãi suất 10%/năm, tính từ thời điểm ngày 30 tháng 7 năm 2024 (ngày hoà giải tranh chấp lao động) cho đến thời điểm xét xử (ngày 31 tháng 3 năm 2025) trên số tiền lương, các khoản hỗ trợ với thời gian tính lãi là 08 tháng 04 ngày, cụ thể như sau: bà

Nguyễn Thị Thanh T1: 240.000 đồng; bà Trần Thị P: 557.000 đồng; bà Đào Lê Bảo C1: 474.000 đồng; ông Nguyễn Văn C2: 467.000 đồng; bà Lê Thị L1: 233.000 đồng; bà Nguyễn Thị Q: 200.000 đồng; bà Nguyễn Thị Hồng B: 246.000 đồng; bà Bằng Thị D1: 157.000 đồng; bà Phạm Thị Diệu Đ1: 280.000 đồng; ông Nguyễn Minh Đ2: 274.000 đồng; bà Nguyễn Thị Chúc Đ3: 424.000 đồng; bà Giáp Thị Trúc H1: 46.000 đồng; bà Phạm Thị Diệu H2: 260.000 đồng; bà Trần Thị Phương D2: 325.000 đồng; Nguyễn Phạm Đăng K: 327.000 đồng; Phan Thị Bích Tr: 153.000 đồng.

[3] Từ những nhận định trên, đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, đồng thời cũng phù hợp với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định: “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”; áp dụng điểm b khoản 1.5 Điều 1 Mục II của Danh mục án phí kèm theo Nghị quyết, ông Nguyễn Văn B2 và bà Tô Thị Út Nh phải liên đới chịu toàn bộ án phí của số tiền phải thực hiện nghĩa vụ; các nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, các điểm đ, g khoản 1 Điều 40, các Điều 91, 92, 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 94, 95, 97 Bộ luật lao động; khoản 1 Điều 280, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 542 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm b khoản 1.5 Điều 1 Mục II của Danh mục án phí kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Trần Thị P, bà Đào Lê Bảo C1, ông Nguyễn Văn C2, bà Lê Thị L1, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị Hồng B, bà Bằng Thị D1, bà Phạm Thị Diệu Đ1, ông Nguyễn Minh Đ2, bà Nguyễn Thị Chúc Đ3, bà Giáp Thị Trúc H1, bà Phạm Thị Diệu H2, Nguyễn Phạm Đăng K, bà Trần Thị Phương D2.

1.1. Buộc bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 liên đới thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Thanh T1 với số tiền là 3.840.000 đồng (ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.2. Buộc bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 liên đới thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ cho bà Trần Thị P với số tiền là 8.902.000 đồng (tám triệu chín trăm lẻ hai nghìn đồng) và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.3. Buộc bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 liên đới thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ cho bà Đào Lê Bảo C1 với số tiền là 7.574.000 đồng (bảy triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.4. Buộc bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 liên đới thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn C2 với số tiền là 7.467.000 đồng (bảy triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.5. Buộc bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 liên đới thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ cho bà Lê Thị L1 với số tiền là 3.733.000 đồng (ba triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng) và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.6. Buộc bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 liên đới thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Q với số tiền là 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng) và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày

01 tháng 4 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.7. Buộc bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 liên đới thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Hồng B với số tiền là 3.926.000 đồng (ba triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng) và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.8. Buộc bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 liên đới thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ cho bà Bằng Thị D1 với số tiền là 2.513.000 đồng (hai triệu năm trăm mười ba nghìn đồng) và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.9. Buộc bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 liên đới thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ cho bà Phạm Thị Diệu Đ1 với số tiền là 4.480.000 đồng (bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.10. Buộc bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 liên đới thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ cho ông Nguyễn Minh Đ2 với số tiền là 4.374.000 đồng (bốn triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.11. Buộc bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 liên đới thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Chúc Đ3 với số tiền là 6.350.000 đồng (sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.12. Buộc bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 liên đới thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ cho bà Giáp Thị Trúc H1 với số tiền là 746.000 đồng (bảy trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.13. Buộc bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 liên đới thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ cho bà Phạm Thị Diệu H2 với số tiền là 4.160.000 đồng (bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.14. Buộc bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 liên đới thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ cho bà Trần Thị Phương D2 với số tiền là 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng) và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.15. Buộc bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 liên đới thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ cho Nguyễn Phạm Đăng K với số tiền là 5.227.000 đồng (năm triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn đồng) và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.16. Buộc bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 liên đới thanh toán tiền lương, các khoản hỗ trợ cho Nguyễn Phạm Đăng K với số tiền là 2.453.000 đồng (hai triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng) và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Nguyễn Thị Bích Thủy, Trình Thị Mỹ L3, RMAH H3, Nguyễn Thị Phương Th2. Các nguyên đơn Nguyễn Thị Bích Thủy, Trình Thị Mỹ L3, RMAH H3, Nguyễn Thị Phương Th2 có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Án phí lao động sơ thẩm:

3.1. Buộc bà Tô Thị Út Nh và ông Nguyễn Văn B2 liên đới chịu 2.237.000 đồng (hai triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

3.2. Các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Trần Thị P, bà Đào Lê Bảo C1, ông Nguyễn Văn C2, bà Lê Thị L1, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị Hồng B, bà Bằng Thị D1, bà Phạm Thị Diệu Đ1, ông Nguyễn Minh Đ2, bà Nguyễn Thị Chúc Đ3, bà Giáp Thị Trúc H1, bà Phạm Thị Diệu H2, Nguyễn Phạm Đăng K, bà Trần Thị Phương D2, Nguyễn Thị Bích Thủy, Trình Thị Mỹ L3, RMAH H3, Nguyễn Thị Phương Th2 được miễn tiền tạm ứng án phí, án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đối với đương sự có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng